

Tóm tắt nội dung chính

Báo cáo hàng tháng tóm tắt những quan sát và phân tích của chúng tôi về những diễn biến chính trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Dưới đây là tiêu điểm trong tháng dành cho tổ chức phát hành (TCPH) và nhà đầu tư TPDN.

Tổng giá trị mệnh giá trái phiếu công bố chậm trả gốc/lãi lần đầu trong tháng 8/2024 là 450 tỷ đồng đến từ một doanh nghiệp nhóm ngành Bất động sản. Tỷ lệ trái phiếu chậm trả lũy kế tiếp tục xu hướng giảm kể từ Q1 2024, tính đến 31/8/2024 đang ở mức 14.9% trên tổng giá trị TPDN lưu hành. TPDN phát hành mới trong tháng 8/2024 đạt 57.7 nghìn tỷ đồng, tổng phát hành mới tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2024 đạt 257.9 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp (giá trị giao dịch/tổng giá trị lưu hành) giảm nhẹ xuống mức 6% trong tháng 8/2024 từ mức 7% trong tháng trước.

Hình 1: Những xu hướng chính trong tháng 8/2024

TIÊU ĐIỂM	XU HƯỚNG	NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT
 Chậm trả gốc/lãi lần đầu	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Tổng giá trị trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 08/2024 là 450 tỷ đồng, thấp hơn so với tháng 07/2024 (1.24 nghìn tỷ đồng). Tổng giá trị trái phiếu chậm trả lần đầu từ đầu năm tới nay là 12.7 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 8/2024 là 14.9%, giảm so với mức 15.1% vào tháng 7/2024.
 Tình hình xử lý TPDN chậm trả	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> Trong tháng 8/2024, có 13 TCPH đã thanh toán một phần/hoặc toàn bộ dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 2.4 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ thu hồi nợ gốc chậm trả tăng lên mức 20.8% nhờ sự cải thiện ở các nhóm ngành Dịch vụ, Năng lượng và Bán lẻ.
 TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Chúng tôi ước tính trong số 24.5 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong tháng 9/2024, khoảng 1.8 nghìn tỷ đồng trái phiếu có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn. Trong 12 tháng tới, chúng tôi ước tính 18% trong số 245 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn là những trái phiếu có rủi ro cao chậm trả nợ gốc đến hạn.
 Phát hành mới	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> Lượng phát hành mới trong tháng 8/2024 đạt 57.7 nghìn tỷ đồng, tăng so với mức 46.8 nghìn tỷ phát hành mới trong tháng 7/2024. Trong số 272.7 nghìn tỷ đồng phát hành mới từ đầu năm đến nay, 70% trong số đó được phát hành bởi khối Ngân hàng.
 Thị trường thứ cấp	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ xuống mức 6% trong tháng 8/2024. Trong tháng 8/2024 các trái phiếu được giao dịch phổ biến có kỳ hạn ngắn, hơn 90% giá trị giao dịch trong tháng là của các trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 1 – 3 năm.

Nguồn: Vietnam Investors Service

LIÊN HỆ

Trần Quốc Thắng, MBA
 Chuyên viên phân tích
thang.tran@visrating.com

Nguyễn Lý Thanh Lương, CFA, ACCA, FVMA
 Trưởng nhóm phân tích
luong.nguyen@visrating.com

Nguyễn Đình Duy, CFA
 Chuyên gia phân tích cao cấp
duy.nguyen@visrating.com

Simon Chen, CFA
 Giám đốc Xếp hạng và nghiên cứu
simon.chen@visrating.com



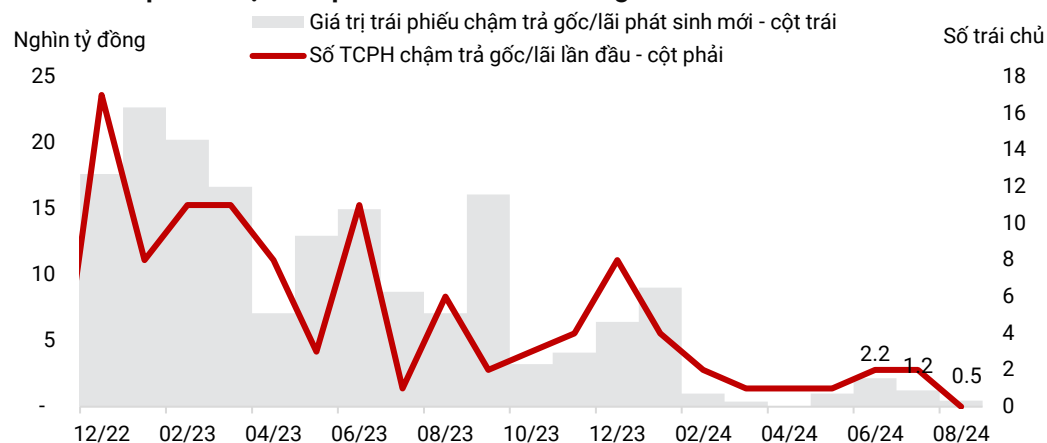
<https://visrating.com>

Chậm trả gốc/lãi lần đầu

Một trái phiếu chậm trả phát sinh mới trong tháng 08/2024 có giá trị 450 tỷ đồng, thấp hơn so với tháng 07/2024

- Vào tháng 08/2024, có một TPDN tổng mệnh giá 450 tỷ đồng công bố chậm trả lãi coupon lần đầu. Trái phiếu này được phát hành bởi Tập đoàn Novaland vào tháng 8/2020 với kỳ hạn 3 năm, và đến tháng 07/2023 đã được lùi thời gian đáo hạn một năm. Tuy nhiên trong tháng 7/2024, trái phiếu này tiếp tục được gia hạn thêm một lần nữa đến tháng 8/2025.
- Tổng số trái phiếu chậm trả phát sinh mới tính từ đầu năm đến cuối tháng 8/2024 là 12.7 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 08/2024 đã giảm nhẹ xuống còn 14.9% so với 15.1% của tháng trước. Khoảng 63% giá trị trái phiếu chậm trả lũy kế đến từ nhóm Bất động sản Nhà ở, với tỷ lệ chậm trả lũy kế là 31%.

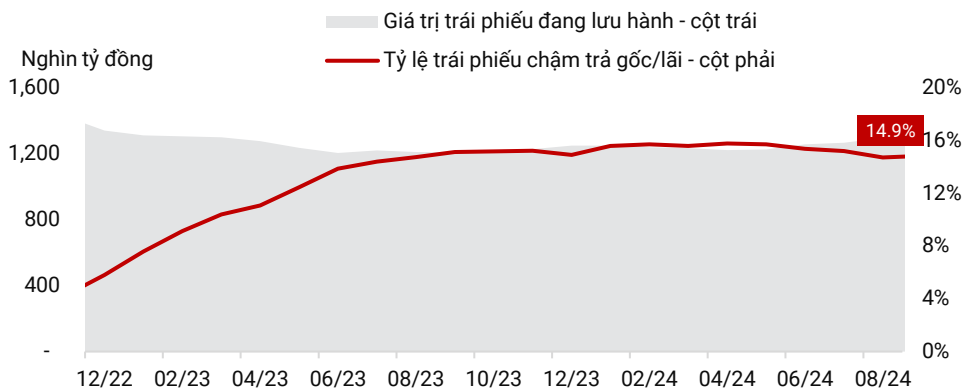
Hình 2: Trái phiếu chậm trả phát sinh mới theo tháng



Ghi chú: Tập đoàn Novaland đã có các TPDN chậm trả trước đây nên không tính vào số TCPH chậm trả lần đầu trong tháng 8/2024.

Nguồn: Vietnam Investors Service

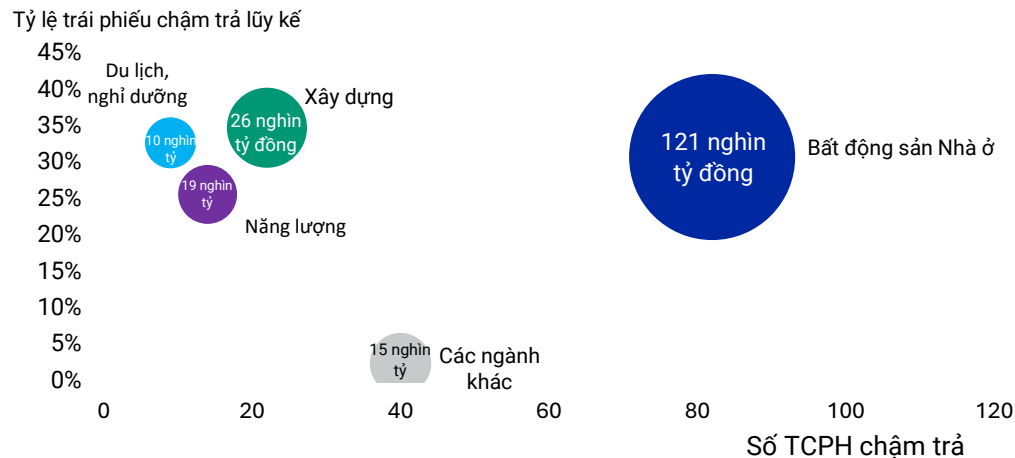
Hình 3: Tỷ lệ trái phiếu chậm trả và giá trị TPDN đang lưu hành



Ghi chú: Giá trị trái phiếu đang lưu hành, bao gồm cả các trái phiếu đã từng vi phạm chậm trả và đã quá ngày đáo hạn nhưng chưa công bố hoàn thành trả đủ gốc/lãi cho trái chủ.

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 4: Lượng trái phiếu chậm trả theo các nhóm ngành



Ghi chú: Kích thước hình tròn thể hiện quy mô giá trị mệnh giá trái phiếu chậm trả lũy kế từ tháng 4/2022

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 5: Danh sách trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 8/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo trên HNX	Chậm trả	Lần đầu TCPH chậm trả gốc/lãi	Dư nợ gốc chậm trả (tỷ đồng)	Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của TCPH (tỷ đồng)
NVL2020-02-450	CTCP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA	Bất động sản Nhà ở	450	14-08-20	14-08-25	Cố định – 6 tháng	8.5%	Ưu tiên	Bảo đảm	VPBS	14-08-24	22-08-24	Lãi	20-05-22	450	14,000

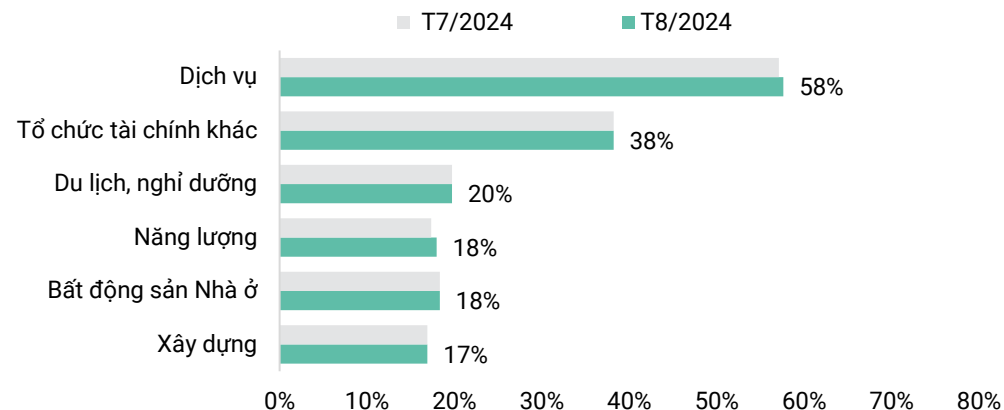
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Xử lý TPDN chậm trả

Trong tháng 08/2024, dư nợ gốc chậm trả 2.4 nghìn tỷ đồng đã được thanh toán cho các trái chủ, nâng tỷ lệ thu hồi chậm trả lên 20.8%

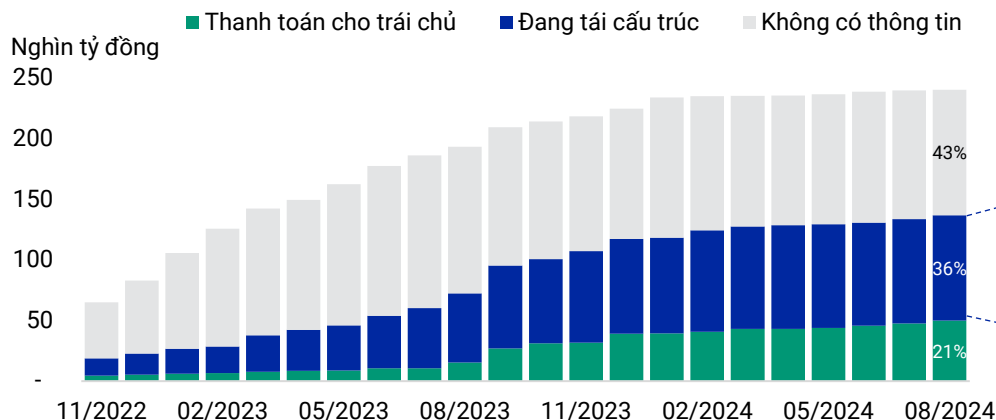
- Trong tháng 08/2024, 13 TCPH chậm trả thuộc các lĩnh vực Bất động sản Nhà ở, Bán lẻ, và Nông nghiệp đã hoàn trả tổng cộng 2,4 nghìn tỷ đồng tiền gốc cho các trái chủ. Sau khi thanh toán một phần, dư nợ trái phiếu chậm trả còn lại của nhóm các TCPH này còn 8.5 nghìn tỷ đồng.
- Phần lớn các khoản thanh toán nợ gốc TPDN chậm trả trong tháng 08/2024 liên quan đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản và Vật tư (CAJIMEX). CAJIMEX đã phát hành trái phiếu vào năm 2020 và đáo hạn tháng 12/2026, nhưng sau đó chậm trả lãi coupon lần đầu trong năm 2023. Đến tháng 08/2024, CAJIMEX đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ trái phiếu theo thỏa thuận với các trái chủ.
- Trong tổng số 567 trái phiếu chậm trả phát sinh từ năm 2022, 63 trái phiếu đã thanh toán toàn bộ gốc lãi chậm trả cho các trái chủ, và 294 trái phiếu đang trong quá trình tái cấu trúc. Tỷ lệ thu hồi chậm trả của các trái phiếu chậm trả đã tăng lên 20.8% vào cuối tháng 08/2024.

Hình 6: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo nhóm ngành



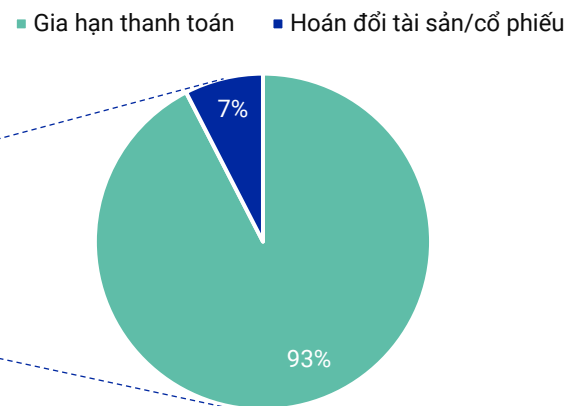
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 7: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả gốc/lãi



Ghi chú: Số liệu trong đồ thị có sự thay đổi trong tháng 0/2024 so với báo cáo của chúng tôi trong tháng 07/2024 do có thêm một số khoản thanh toán được công bố sau ngày ra báo cáo.
 Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 8: Tình trạng các trái phiếu đang tái cấu trúc nợ tại thời điểm cuối tháng 7/2024



Ghi chú: Chúng tôi ước tính tỷ lệ thu hồi dựa trên giá trị trái phiếu đã được trả, bao gồm cả trường hợp chỉ hoàn trả một phần tiền gốc và việc tái cơ cấu vẫn đang diễn ra sau khi TCPH chậm trả gốc/lãi.
 Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 9: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 8/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị gốc đã trả (tỷ đồng)	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc (tỷ đồng)
APC.H.20.28.001	CTCP Thương mại Công nghệ An Phát	Dịch vụ	200	30-12-20	30-12-28	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TSIC	30-06-22	Lãi	29-08-24	Trả bằng tiền	53	147
DPJCH2224002	CTCP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	Xây dựng	471.7	9-08-22	9-08-25	Cố định - 1 tháng	12.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	APG	09-10-22	Lãi	23-08-24	Gia hạn trái phiếu	-	472
HAGLBOND16.26	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Sản phẩm nông nghiệp	6546	30-12-16	30-12-26	Cố định - 3 tháng	9.8%	Ưu tiên	Không bảo đảm	BSI	30-12-22	Lãi	30-08-24	Trả bằng tiền	4,355	916
IMGCH2226001	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản Nhà ở	115.8	12-05-22	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 24T +3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	12-11-23	Lãi	26-08-24	Trả bằng tiền	29	87
IMGCH2126002	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản Nhà ở	31	15-11-21	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 24T + 3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	15-11-23	Lãi	26-08-24	Trả bằng tiền	8	24
TNECH2227001	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển năng lượng Thành Nguyên	Năng lượng	500	9-12-22	9-12-27	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 13.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T +4.8%	Ưu tiên	Có bảo đảm	ORS	12-12-23	Lãi	29-08-24	Trả bằng tiền	143	357
IMGCH2126003	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản Nhà ở	3.2	31-12-21	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 24T + 4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	31-12-23	Lãi	26-08-24	Trả bằng tiền	1	2
VT3-L2026-001	CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III	Bán lẻ	2230	25-12-20	28-08-24	Cố định - 3 tháng	11.3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	SHS	29-01-24	Lãi	5-09-24	Trả bằng tiền	2,119	-
HSC.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định - 3 tháng	10.3%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TSIC	31-12-23	Gốc	8-08-24	Trả bằng tiền	42	458
NPECH2128002	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	900	26-11-21	26-03-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T +4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TSIC	28-08-23	Lãi	8-08-24	Trả bằng tiền	42	858
SGL-2020.05	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	10-07-20	10-07-25	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T +4.5%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	10-07-23	Gốc	13-08-24	Trả bằng tiền	150	850
SSHCH2123001	CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	Xây dựng	2,400	10-09-21	10-09-25	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 10.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TSIC	10-09-23	Gốc	26-08-24	Trả bằng tiền	948	1,452
IMGCH2126003	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản Nhà ở	3	31-12-21	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 24T +4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	31-12-23	Lãi	26-08-24	Trả bằng tiền	1	2
SGL-2020.01	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	12-06-20	12-06-25	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TSIC	12-06-23	Gốc	13-08-24	Trả bằng tiền	149	851
SGL-2020.03	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	22-06-20	22-06-25	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TSIC	22-06-23	Gốc	13-08-24	Trả bằng tiền	150	850
HPXH2123008	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	250	28-10-21	28-10-24	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	28-04-23	Lãi	30-08-24	Trả bằng tiền	76	174
SHJCH2124001	CTCP Kinh doanh nhà Sunshine	Bất động sản Nhà ở	1,000	13-05-21	13-05-26	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T +4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	HRS	13-05-24	Lãi	4-09-24	Trả bằng tiền	1	999

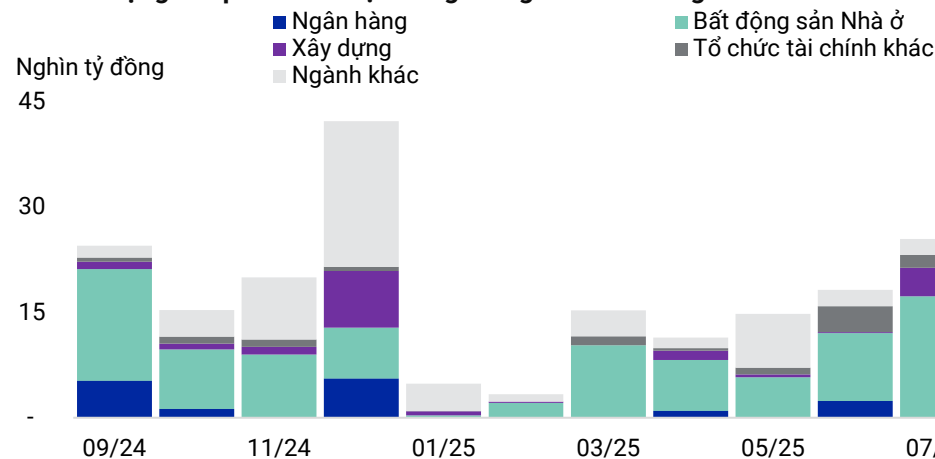
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao

76% giá trị trái phiếu rủi ro cao trong 12 tháng sắp tới từ các công ty trong nhóm ngành Bất động sản Nhà ở và Xây dựng

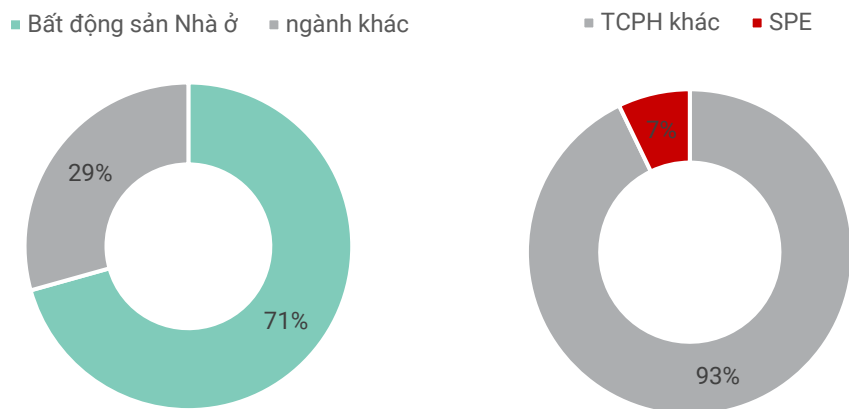
- Trong tháng 09/2024, tổng giá trị trái phiếu đáo hạn đạt 24.5 nghìn tỷ đồng, cao hơn so với tháng trước là 18.1 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi dự kiến trong số các trái phiếu đáo hạn vào tháng 09/2024, có 1.8 nghìn tỷ đồng có nguy cơ chậm trả nợ gốc, phần lớn trong số này đã chậm trả lãi trái phiếu trước đó.
- Trong vòng 12 tháng tới, chúng tôi ước tính có khoảng 18% trong số 245 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn có nguy cơ chậm trả nợ gốc. Trong số đó, 76% giá trị trái phiếu rủi ro cao thuộc các công ty trong nhóm ngành Bất động sản Nhà ở và Xây dựng.

Hình 10: Lượng trái phiếu đáo hạn hàng tháng theo nhóm ngành



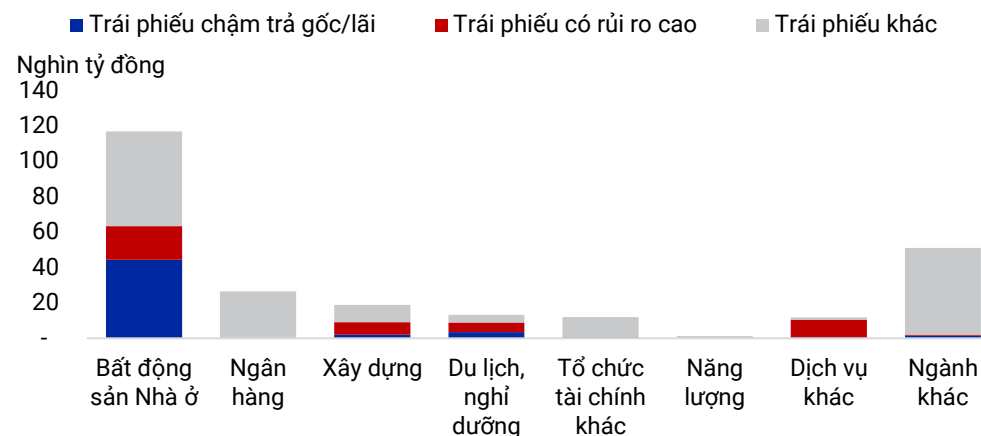
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 11: Trái phiếu có rủi ro cao trong tháng 9/2024 theo nhóm ngành và theo loại hình doanh nghiệp¹



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 12: Lượng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới theo nhóm ngành và trái phiếu có rủi ro cao



Nguồn: Vietnam Investors Service

¹ SPE – Special purpose entities là những doanh nghiệp thành lập với mục đích chỉ để huy động vốn, không có dòng tiền đáng kể từ hoạt động kinh doanh và khả năng trả nợ ở mức rất yếu. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo tại đây [Góc nhìn Thị trường TPDN: Xây dựng kỷ luật chặt chẽ hơn trên thị trường trái phiếu là điều kiện cần thiết để giá trị phát hành mới tăng trưởng bền vững và giảm dần tỉ lệ chậm trả gốc/lãi trong giai đoạn phát triển mới \(27/02/2024\)](#)

* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật tính đến ngày 8 tháng 9 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 9/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	SPE	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
DRGCH2124003	CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	Xây dựng	1,000	1-09-21	1-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	ABW	1,000	5,448	Không	Không	(34)	2,921	8.32	T6-24
NLGB2124001	CTCP Đầu tư Nam Long	Bất động sản Nhà ở	500	6-09-21	6-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCSC	500	4,160	Không	Không	95	13,306	1.23	T6-24
NLGB2124002	CTCP Đầu tư Nam Long	Bất động sản Nhà ở	450	6-09-21	6-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCSC	450	4,160	Không	Không	95	13,306	1.23	T6-24
SSBL2124002	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	1,000	8-09-21	8-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	1,000	5,650	Không	Không	2,583	32,769	7.56	T6-24
AIECH2224002	CTCP Giáo dục quốc tế Mỹ AIS	Dịch vụ	318	8-09-22	8-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	318	568	Không	Không	Số liệu tài chính chưa công bố trên HNX			
SSBL2124003	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	700	9-09-21	9-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	700	5,650	Không	Không	2,583	32,769	7.56	T6-24
MSRB2124001	CTCP Masan High-Tech Materials	Khai khoáng	1,000	10-09-21	10-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TCSC	1,000	2,500	Không	Không	(1,046)	12,807	2.09	T6-24
NANCB2324001	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nam An	Bất động sản Nhà ở	4,700	10-03-23	10-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TCSC	4,700	4,700	SPE	Không	(655)	2,034	6.6	T12-23
TCIH2324001	CTCP Chứng khoán Thành Công	Tổ chức tài chính khác	300	11-09-23	11-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VDS	300	300	Không	Không	58	1,320	0.43	T12-23
AGMH2223001	CTCP Xuất nhập khẩu An Giang	Sản phẩm tiêu dùng	300	14-03-22	14-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	BVS	210	210	Không	14-03-23	(221)	22	55.68	T12-23
VHMB2124001	CTCP Vinhomes	Bất động sản Nhà ở	2,160	15-09-21	15-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCSC	2,160	28,030	Không	Không	11,620	206,932	1.38	T6-24
VPBL2124024	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngân hàng	500	16-09-21	16-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	500	6,000	Không	Không	10,766	134,153	4.78	T12-23
SPNCB2324001	CTCP Đầu tư kinh doanh và Phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam	Bất động sản Nhà ở	4,695	16-03-23	16-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TCSC	4,695	4,695	Không	Không	(263)	722	16	T6-24
TPACH2124002	Công ty TNHH Thành phố Aqua	Bất động sản Nhà ở	500	17-09-21	17-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	500	2,400	Không	Không	(359)	1,131	10.09	T12-23
HDB1924_02	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	12	19-09-19	20-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	12	33,797	Không	Không	6,465	52,826	10.92	T6-24
GKMH2124001	CTCP GKM Holdings	Vật liệu xây dựng	100	20-09-21	20-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	APG	45	45	Không	Không	39	337	0.29	T12-23

* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 9/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	SPE	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất *
MACCH2124001	Công ty TNHH Marcus	Dịch vụ	125	22-09-21	22-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VFS	125	125	SPE	Không	Số liệu tài chính chưa công bố trên HNX			
ABGCH2124001	CTCP ABG Hà Nội	Bất động sản Nhà ở	125	24-09-21	24-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VFS	125	265	Không	Không	Số liệu tài chính chưa công bố trên HNX			
TPBL2124012	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	150	27-09-21	27-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VFS	150	32,192	Không	Không	2,985	35,609	9.15	T6-24
STBL2124001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	1,000	27-09-21	27-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	1,000	1,000	Không	Không	2,985	35,609	9.15	T6-24
TPBL2124013	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1,000	28-09-21	28-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBB	1,000	32,192	Không	Không	2,985	35,609	9.15	T6-24
TPBL2124014	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	900	29-09-21	29-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDBS	900	32,192	Không	Không	2,985	35,609	9.15	T6-24
BSIH2324001	CTCP Chứng khoán BIDV	Tổ chức tài chính khác	500	29-09-23	29-09-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VSDC	300	300	Không	Không	252	4,906	1.01	T6-24
BVBCH2123001	CTCP BVB	Bất động sản Nhà ở	300	25-06-21	30-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TSIC	135	135	SPE	25-09-23	(0.2)	350	1.23	T6-24
DIGH2124002	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Bất động sản Nhà ở	1,000	30-09-21	30-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	HDBS	461	2,500	Không	Không	112	7,894	1.13	T12-23
SNLCH2123001	CTCP SIGNO LAND	Bất động sản Nhà ở	1,367	31-12-21	30-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	1,049	1,049	Không	30-06-23	(72)	(75)	(15.71)	T6-24
LIGH2123001	CTCP Licogi 13	Xây dựng	75	31-12-21	30-09-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	ASCC	25	25	Không	19-12-23	0.1	1,160	4.16	T6-24

* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

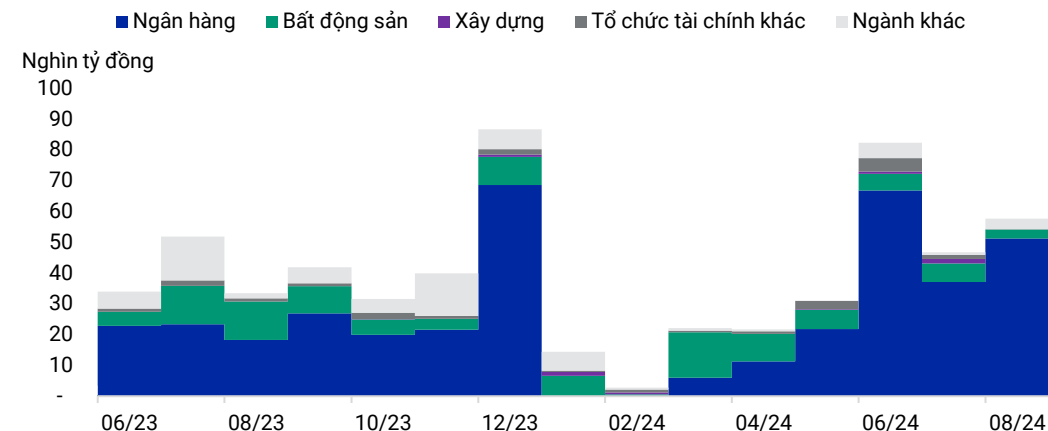
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Phát hành mới

Lượng phát hành trái phiếu mới trong tháng 08/2024 đạt 57.7 nghìn tỷ đồng, trong đó 90% là các trái phiếu ngân hàng

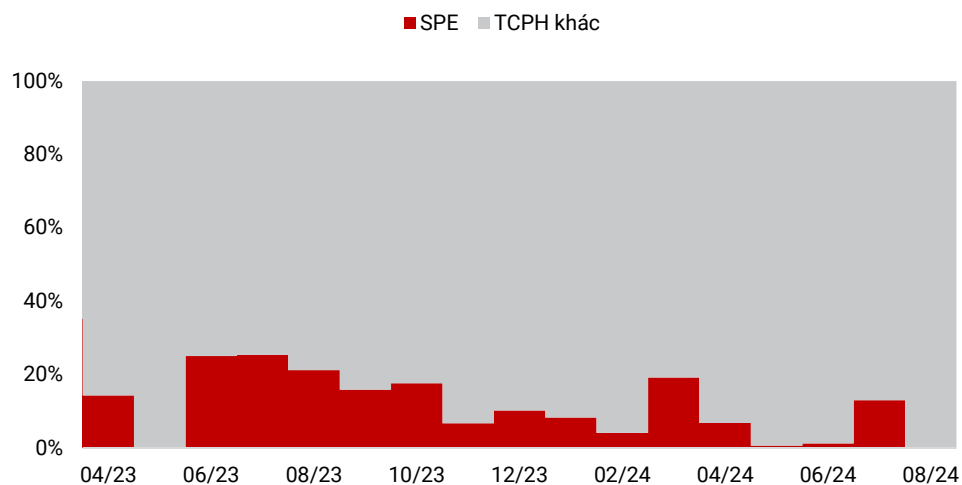
- Trong tháng 08/2024, lượng phát hành trái phiếu mới tăng lên 57.7 nghìn tỷ đồng, từ mức 46.8 nghìn tỷ đồng trong tháng 07/2024. Các ngân hàng thương mại đã phát hành tổng cộng 51.3 nghìn tỷ đồng, tiếp tục chiếm phần lớn trong các đợt phát hành mới.
- Trong số các trái phiếu do các ngân hàng phát hành vào tháng 08/2024, 40% là trái phiếu thứ cấp đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2, được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu vốn cấp 2 này có kỳ hạn trung bình 8.1 năm và lãi suất từ 5.5% đến 7.6% trong năm đầu tiên. Các trái phiếu khác là trái phiếu không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn 3 năm và lãi suất cố định từ 5.2% đến 7.7%.
- Trong tổng số 272.7 nghìn tỷ đồng phát hành mới từ đầu năm đến nay, 23 đợt phát hành ra công chúng chiếm 39.1 nghìn tỷ đồng.

Hình 14: Trái phiếu phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành



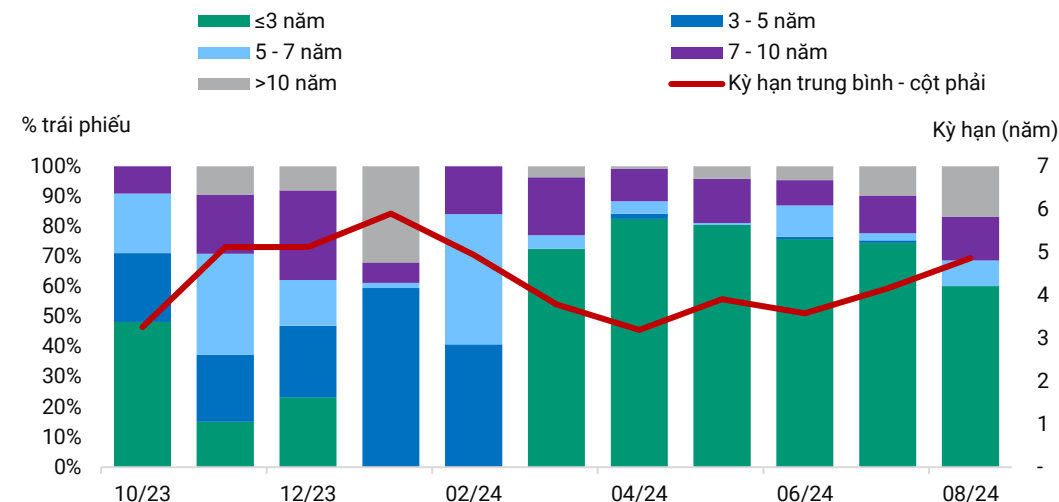
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 15: Phát hành mới hàng tháng theo loại hình doanh nghiệp



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 16: Cấu trúc kỳ hạn của các TPDN phát hành mới



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 8/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	SPE	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)
HDBL2426011	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	2,000	1-08-24	1-08-26	Cố định-12 tháng	5.70%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	23,900
MBBL2427020	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	1-08-24	1-08-27	Cố định-12 tháng	5.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,395
TSOCB2426001	CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Bất động sản Nhà ở	1,890	1-08-24	1-08-26	Cố định-12 tháng	12.00%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	1,890
IPAH2429003	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Năng lượng	1,096	2-08-24	2-08-29	Cố định-12 tháng	9.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	2,148
CTGL2432006	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	150	2-08-24	2-08-32	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	CTG	Riêng lẻ	Không	17,117
MBBL2427021	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	2,000	5-08-24	5-08-27	Cố định-6 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,395
SHBL2427003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ngân hàng	1,000	5-08-24	5-08-27	Cố định-6 tháng	6.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	6,448
CTGL2439007	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	100	6-08-24	6-08-39	Cố định-12 tháng	6.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	17,117
HDBC7Y202302	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	7-08-24	7-08-31	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:7.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Đại chúng	Không	23,900
OCBL2426007	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	7-08-24	7-08-26	Cố định-12 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	30,250
BCMh2427002	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	200	8-08-24	8-08-27	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:10.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.0%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	BID	Riêng lẻ	Không	1,000
BIDLH2430025	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	1,000	8-08-24	8-08-30	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.6% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 0.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	27,131
OCBL2427008	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	8-08-24	8-08-27	Cố định-6 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	30,250
OCBL2427009	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	8-08-24	8-08-27	Cố định-12 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	30,250
TPBL2434008	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	65	9-08-24	9-08-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,647
NABL2427005	Ngân hàng TMCP Nam Á	Ngân hàng	500	12-08-24	12-08-27	Cố định-6 tháng	5.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	5,260
OCBL2426010	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	2,000	13-08-24	13-08-26	Cố định-12 tháng	5.60%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	30,250
TMSH2426001	CTCP Transimex	Vận tải	100	13-08-24	13-08-26	Cố định-12 tháng	9.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	100

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 8/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	SPE	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)
AGRIBANK243401	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Ngân hàng	10,000	14-08-24	14-08-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Đại chúng	Không	20,000
BCM2427003	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	500	14-08-24	14-08-27	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:10.2% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 4.0%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	1,000
BCM2427004	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	300	14-08-24	14-08-27	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:10.2% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 4.0%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	1,000
F88CH2425004	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	100	14-08-24	14-08-25	Cố định-6 tháng	11.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	600
CTGL2432008	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	250	15-08-24	15-08-32	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:8.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	17,117
BIDL2429026	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	540	16-08-24	16-08-29	Cố định-12 tháng	5.7%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	27,131
VPBB2427001	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngân hàng	4,000	16-08-24	16-08-27	Cố định-12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	4,000
BIDL2429027	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	2,460	16-08-24	16-08-29	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 0.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	31,083
CTGL2432009	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	1,000	20-08-24	20-08-32	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	17,117
F88CH2425005	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	50	20-08-24	20-08-25	Cố định-12 tháng	11.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	600
BIDLH2431028	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	900	21-08-24	21-08-31	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.8% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	27,131
BIDLH2432029	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	95	21-08-24	21-08-32	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:5.9% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	27,131
HDBL2431012	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	200	21-08-24	21-08-31	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:7.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	23,900
ACBL2426008	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	1,500	22-08-24	22-08-26	Cố định-12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	26,240
NLGB2427002	CTCP Đầu tư Nam Long	Bất động sản Nhà ở	500	22-08-24	22-08-27	Thả nổi-3 tháng	Năm đầu:9.8% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.7%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	2,000
NLGB2427003	CTCP Đầu tư Nam Long	Bất động sản Nhà ở	450	22-08-24	22-08-27	Thả nổi-3 tháng	Năm đầu:9.8% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.7%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	2,000
OCBL2427011	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	22-08-24	22-08-27	Cố định-6 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	30,250
VIBL2427002	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	1,000	22-08-24	22-08-27	Cố định-12 tháng	5.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	13,500

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 8/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	SPE	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)
BVCCCL2431002	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Ngân hàng	800	23-08-24	23-08-31	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:7.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 3.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	1,800
CTGL2439010	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	125	23-08-24	23-08-39	Cố định-12 tháng	6.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	17,117
LPBL2431001	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	Ngân hàng	400	23-08-24	23-08-31	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:7.6% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	18,484
TPBL2427010	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	2,000	23-08-24	23-08-31	Cố định-6 tháng	5.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,647
GEGH2429003	CTCP Điện Gia Lai	Cung cấp nước	200	26-08-24	26-08-29	Thả nổi-3 tháng	Năm đầu:9.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 3.9%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	500
TPBL2434009	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	384	26-08-24	26-08-27	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,647
TPBL2434011	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	85	28-08-24	28-08-34	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VDSC	Riêng lẻ	Không	28,647
BIDL2432032	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	1,000	27-08-24	27-08-32	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:5.9% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	31,083
BIDLH2431030	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	100	26-08-24	26-08-31	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:5.8% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	31,083
BIDLH2432031	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	392	26-08-24	26-08-32	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.9% Các năm sau: Lãi tham chiếu+ 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	31,083
MSBL2427005	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,000	27-08-24	27-08-27	Cố định-6 tháng	5.30%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VDSC	Riêng lẻ	Không	13,800
KBCH2426001	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP	Bất động sản Khu công nghiệp	1,000	28-08-24	28-08-26	Cố định-6 tháng	10.50%	TCPH được mua lại	Bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	1,000
MSBL2427006	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,000	28-08-24	28-08-27	Cố định-6 tháng	5.30%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	13,800
OCBL2427012	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	600	28-08-24	28-08-27	Cố định-6 tháng	5.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	30,250
VIBL2427003	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	28-08-24	28-08-27	Cố định-6 tháng	5.20%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	13,500
MSBL2427007	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,500	29-08-24	29-08-27	Cố định-12 tháng	5.30%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VDSC	Riêng lẻ	Không	13,800

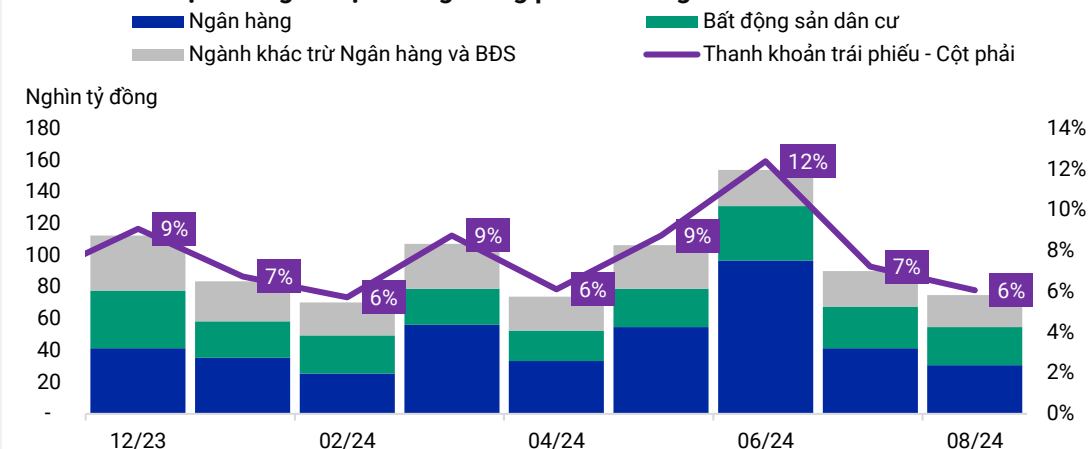
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Thị trường thứ cấp

Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ trong tháng 8/2024 so với tháng 7/2024

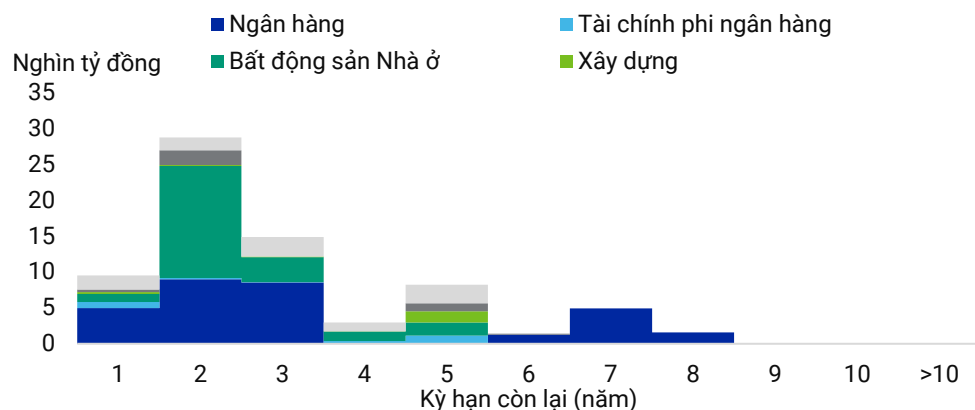
- Trong tháng 08/2024, thanh khoản thị trường (tổng giá trị giao dịch / tổng số trái phiếu lưu hành) giảm nhẹ xuống còn 6%.
- Trái phiếu do nhóm Ngân hàng và Bất động sản phát hành chiếm hơn 90% khối lượng giao dịch trong tháng, với kỳ hạn giao dịch chủ yếu trong khoảng 1 đến 3 năm.
- Trong tháng 08/2024, lợi suất trung bình của trái phiếu ngân hàng có chất lượng tín dụng “Trên trung bình” duy trì ổn định so với tháng trước trên hầu hết các kỳ hạn.

Hình 18: Giá trị TPDN giao dịch hàng tháng phân theo ngành



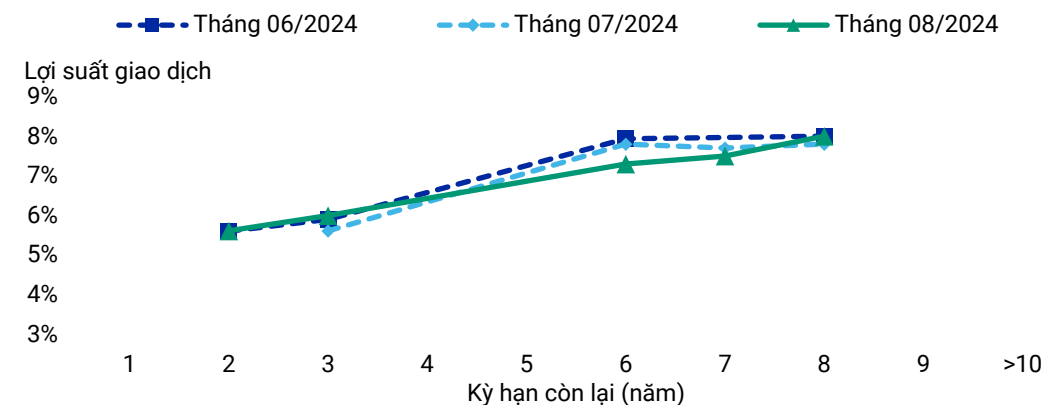
Ghi chú: Chúng tôi tính toán thanh khoản thị trường dựa trên khối lượng giao dịch trong tháng / tổng giá trị TPDN lưu hành tại tháng đó
 Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 19: Giá trị TPDN giao dịch trong tháng 08/2024 phân theo kỳ hạn và ngành



Source: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 20: Lợi suất giao dịch bình quân các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình”¹



Ghi chú: Lợi suất giao dịch trung bình ước tính từ các giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ và trái phiếu phát hành ra công chúng trong tháng, loại trừ dữ liệu từ các giao dịch của trái phiếu chuyển đổi
¹ Tham khảo [Thang điểm xếp hạng tín nhiệm - VIS Rating](#)
 Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM ("VIS RATING"). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ "CÁC ẮN PHẨM") CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỲ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG KƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KÝ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TỬY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỲ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM ("CÁC ĐÁNH GIÁ"), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NẾU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIỆN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỲ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỲ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỐ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỐ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY ("CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING")) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỲ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỲ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỲ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIỂU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIỂU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở "NGUYỄN TRẠNG" mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kể tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận), cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỲ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liên trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề "Thông Tin Doanh Nghiệp".